

Savannah Elementary School

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/ .
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/ .

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

Tên Trường học	Savannah Elementary School
Đường phố	3720 Rio Hondo Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	Rosemead, CA 91770
Số điện thoại	(626) 443-4015
Hiệu Trường	Mrs. Miriam Wazirkajoyan
Địa chỉ email	mwazirkajoyan@rosemead.k12.ca.us
Trang web của Trường	www.rosemead.k12.ca.us/savannah
Phạm vi cấp lớp	P-6
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)	19-64931-6022206

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

Tên Khu học chánh	Rosemead School District
Số điện thoại	(626) 312-2900
Giám Đốc Khu Học Chánh	Dr. Philip D'Agostino
Địa chỉ email	pdagostino@rosemead.k12.ca.us
Trang web của Khu học chánh	www.rosemead.k12.ca.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

A Message from the School Principal:

Savannah Elementary School is committed to providing a high-quality academic education in a safe, nurturing, and supportive environment that fosters learning and growth. Our dedicated faculty and staff work collaboratively to prepare our culturally diverse students to excel academically and develop essential social-emotional skills to thrive in an ever-changing world. Our purpose is to empower students to become confident leaders who take ownership of their lives and strive for continuous improvement in all areas. At Savannah, we inspire a leadership mindset, cultivate a positive self-image, uphold high academic standards, and instill a deep sense of school pride. At Savannah Elementary School, excellence is not just a goal—it's our standard in all we do.

Savannah's School Motto: "Creating Tomorrow's Leaders Today."

Savannah's School Mission: "To Learn, To Lead, To Leave a Legacy"

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Our mission is to ensure all students achieve a solid academic foundation and become self-motivated learners with good moral character by providing exceptional instruction, engaging activities, and meaningful opportunities in partnership with our families and community. Our rigorous and relevant educational program is designed to meet the diverse needs of all students and involves a collaborative partnership among the students, staff, parents, and community. Together we cultivate GREATNESS in our students. With teamwork and a belief that we are all responsible for the academic success of every student, we commit to pursuing and implementing highly structured, rigorous, and relevant academic opportunities for every Savannah student. The "Leader In Me" framework enhances our school's student-centered program, fostering a Leadership mentality, positive self-image, high scholastic standards, and school pride.

Savannah is a Lighthouse Leader in Me legacy school, 2024 & 2023 PBIS Platinum Level school, winner of the 2023 Science Olympiad GOLD medal and 2018 California Distinguished School.

Savannah Staff will:

- *Provide a quality education for all students within a secure and supportive environment.
- *Promote in all students academic excellence, social growth, and responsible decision making.
- *Prepare all students to lead productive lives in a diverse, global community.

Community and School Profile:

Located in Southern California's San Gabriel Valley, ten miles east of downtown Los Angeles, the Rosemead School District educates over 2,500 pre-kindergarten through eighth grade students in the diverse community of Rosemead. Founded in 1859, the district is proud of its long tradition of academic excellence. There are currently four elementary schools (pre-K-6) and one middle school (7-8) in the district. Students from Rosemead School District attend Rosemead High School which is part of the El Monte Union High School District. Rosemead School District believes in providing a challenging academic environment with high expectations and placing student needs as its number one priority.

Savannah Elementary School, which operates on a traditional school calendar, serves approximately 400 students, Pre-kindergarten through Sixth grade, from the communities of Rosemead and El Monte.

Respectfully,

Mrs. Miriam Wazirkajoyan
Principal

A Message from the Superintendent of Schools:

Dear Members of the Rosemead School District Community,

I am pleased to share the latest School Accountability Report Cards (SARCs) for our district's schools. These report cards are a vital resource, offering detailed insights into each school's performance and the quality of education we provide. Established by state law in 1988 and reinforced by the federal Elementary and Secondary Education Act (ESEA), SARCs are designed to inform parents and the community about various aspects of our schools. They cover a wide range of topics, including demographic data, school safety, academic achievement, class sizes, teacher qualifications, curriculum details, and fiscal information.

The primary purpose of the SARC is to provide you with important information about each school so you can make meaningful comparisons between public schools, enabling informed decisions regarding your child's education. Additionally, SARCs serve as a tool for schools to report on their progress toward achieving educational goals, fostering transparency and accountability within our education system.

We are committed to ensuring that all parents and community members have easy access to these report cards. By February 1 of each year, every school in California is required by state law to publish a SARC. You can view the SARCs for our schools on the California Department of Education's Find a SARC web page. If you prefer a physical copy or require the report in a language other than English, please contact your school's administrative office, and we will be happy to accommodate your request.

We encourage you to review these report cards and engage with your school's educators to discuss any questions or insights you may have. Your involvement is crucial to our collective effort to provide the highest quality education for all students. For more information about our district, including our School Accountability Report Cards, I invite you to explore our website at <http://www.rosemead.k12.ca.us>.

Thank you for your continued support and partnership in our educational community!

Sincerely,

Philip D'Agostino, Ed.D
Superintendent of Schools

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	67
Lớp 1	53
Lớp 2	45
Lớp 3	55
Lớp 4	48
Lớp 5	66
Lớp 6	53
Tổng tuyển sinh	387

Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	50.4
Nam	49.6
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.5
Người gốc Á	38
Người gốc Philippines	1.8
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	54.8
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.5
Người Da Trắng	1.6
Người Học Tiếng Anh	41.6
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.8
Học sinh vô gia cư	1
Người nhập cư	1.6
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	81.9
Học sinh khuyết tật	14.5

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	15.90	88.88	102.70	93.48	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.90	0.90	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	1.40	1.33	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	1.90	11.06	4.60	4.27	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	17.90	100.00	109.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	16.90	94.44	112.00	97.46	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	0.50	0.43	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	0.40	0.37	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.90	5.50	1.90	1.73	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	17.90	100.00	114.90	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	15.90	88.88	109.30	97.19	231142.40	100.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.90	5.50	2.10	1.92	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0.90	5.50	0.90	0.88	14303.80	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	17.90	100.00	112.40	100.00	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là "không hiệu quả" theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	0.00	0.00	0.9
Vị trí trống	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.00	0.00	0.9

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là "ngoài lĩnh vực" theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.00	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0.00	0	5.5
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	5.50	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

Rosemead School District sets a high priority on making high quality textbooks and materials available to support instructional programs. The District held a public hearing and determined that textbooks, instructional materials, and science lab equipment were sufficient and of good quality at each school within the district, pursuant to the settlement of Williams vs. the State of California. All students, including English learners, are given their own standards-aligned textbooks and instructional materials in core subjects for use in the classroom and at home. During Distance Learning, online versions of the ELA and math books are also available. All textbooks and instructional materials are aligned with the California State Content Standards and Frameworks and have been approved by the Board of Trustees. Rosemead School District follows the State Instructional Materials Adoption Cycle that reviews instructional materials in each curricular area within a six-year cycle. The chart below illustrates the textbooks currently in use at our school. All textbooks are in adequate supply and fair to excellent condition. 100% of students in each core subject area possess the necessary textbooks and instructional materials.

The school's library is stocked with many books for students to check out, including books and materials in Spanish. Students visit the library on a weekly basis with their classes. The school also has a comprehensive leveled library of books for guided reading and English Language Development. Computers at the school are connected to the internet via a high speed connection so that students are able to access resources and information on-line and develop their research skills. The school is working to integrate computer skills and concepts across the curriculum. Students in grades kindergarten through six receive computer-assisted instruction on a weekly basis in our state-of-the-art computer lab. Every classroom is equipped with 1-to-1 Chromebooks. Every classroom also has iPads and iMac desktops. Software includes programs such as Accelerated Reader, Imagine Learning Language and Literacy, IXL, Reading Eggs and i-Ready to help students to develop skills in reading, writing, math, and keyboarding.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

October 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	McGraw Hill: Wonders (Grades K-6) Adopted in 2017	Yes	0%
Toán	Houghton Mifflin Harcourt: Go Math K-5 and Go Math 6-8 Adopted in 2015 iReady Common Core Math	Yes	0%
Khoa Học	TCI Bring Science Alive! (Grades K-6) Adopted in 2021	Yes	0%
Lịch sử-Khoa học xã hội	TCI History Alive! (Grades K-8) Adopted in 2023	Yes	0%
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Built in 1939, with additions made in 1970 and 1997, Savannah School facilities encompass 52,704 square feet. They consist of permanent and relocatable classrooms, a multipurpose room, administrative offices, and restrooms. The school recently modernized the administrative offices, nurse's office, teacher workroom, and staff lounge. The facility strongly supports teaching and learning through its ample classroom and playground space. During 2019 Savannah replaced older Heating, Ventilation, and Air Conditioning (HVAC) units with new energy-efficient models as part of the Proposition 39 Clean Energy Jobs Act. Roof replacement for two classroom wings was completed during the 2019-20 school year. Currently, the site is undergoing upgrades to the fire alarm system. In 2021- 2022, the site is undergoing upgrades to the fire alarm system.

Maintenance and Repair

Safety concerns are the number one priority of Maintenance and Operations. District maintenance supervisors are proactive and conduct inspections at school sites on a continual basis. Repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A computer-based work order process is used to ensure efficient service and that emergency repairs are given the highest priority. The district maintenance staff has indicated that 100% of all toilets on school grounds are in working order.

Cleaning Process and Schedule

The district governing board has adopted cleaning standards for all schools in the district. A summary of these standards is available at the school office or at the district office. The site administration team works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. Cleaning protocols have been updated to include more frequent cleaning of common areas (i.e. restrooms) and include disinfectant fogging of all areas.

Deferred Maintenance Projects

Available Deferred Maintenance funds are used in conjunction with other available school facility funds to complete repairs or replacements as appropriate. The district's deferred maintenance needs are reviewed and updated annually.

The following chart displays the most recent facilities inspection.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

November 2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			Received systems rating is 100%.
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			Interior rating is 89%. Paint peeling on ceiling; Restrooms - Floors need to be replaced- rain enters under door
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			Cleanliness rating is 98%
Điện	X			Electrical rating is 98%. Light switches blocked by cabinet
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			Restrooms/fountains rating is 100%
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			Safety rating is 100%.
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Structure rating is 98%. Roof leaks; windows etched.
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			External rating is 60%. Window etched with graffiti; Blinds need to be replaced; Cracks on asphalt; uneven surfaces;

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

1. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
2. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	41	45	57	60	46	47
Toán (lớp 3-8 và 11)	37	38	50	52	34	35

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	220	215	97.73	2.27	45.12
Nữ	109	109	100.00	0.00	46.79
Nam	111	106	95.50	4.50	43.40
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	86	83	96.51	3.49	60.24
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	119	117	98.32	1.68	33.33
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	63	59	93.65	6.35	18.64
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	136	131	96.32	3.68	37.40
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	33	33	100.00	0.00	15.15

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	220	219	99.55	0.45	37.90
Nữ	109	109	100.00	0.00	33.94
Nam	111	110	99.10	0.90	41.82
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	86	86	100.00	0.00	58.14
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	119	118	99.16	0.84	21.19
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	63	63	100.00	0.00	15.87
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	136	135	99.26	0.74	31.85
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	33	33	100.00	0.00	12.12

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	30.00	26.56	40.11	44.36	30.29	30.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	64	64	100.00	0.00	26.56
Nữ	37	37	100.00	0.00	27.03
Nam	27	27	100.00	0.00	25.93
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	29	29	100.00	0.00	48.28
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	33	33	100.00	0.00	6.06
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0	0	0	0	0
Người Da Trắng	0	0	0	0	0
Người Học Tiếng Anh	18	18	100.00	0.00	5.56
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	40	40	100.00	0.00	22.50
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	98.44%	100%	100%	100%	98.44%

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Savannah parents and the community are incredibly supportive of the educational programs at Savannah School. The Savannah PTA generously contributes time and resources to a wide range of programs and activities. Their fundraisers help support field trips, assemblies, Grandparents' Day, Trunk or Treat, Red Ribbon Week, the Winter Wonderland celebration, Chinese New Year festivities, student recognition programs, the PBIS Dolphin Dollar Store, Reading is Fundamental incentives, Muffins with Mothers, Donuts with Dads, and more. Additionally, various community members actively support and participate in school events, making them even more festive and enjoyable.

At Savannah, we believe parent involvement is key to student success, and we are thrilled to partner with our families throughout the year! Parents are encouraged to take an active role in their child's education by joining us for our many exciting school-wide events. From Back-to-School Night, Open House, Awards Assemblies, and the Storybook Parade to Leadership Day, Jump for Heart, our 2nd/3rd Grade Gingerbread House tradition, Winter Performance Program, Winter Wonderland Celebration, Founder's Day, Muffins with Mothers, Donuts with Dads, and promotion celebrations—there's always something to look forward to!

We make it a priority to keep parents informed and connected. Weekly Principal's Emails, the Savannah Dolphin Monthly newsletter, our school website, Twitter, Principal Parent Talks, Blackboard Connect messages, Class Dojo, and the school marquee ensure you never miss a moment.

Parents are also invited to share their voice and ideas by attending Savannah PTA Association meetings, School Site Council, English Learner Advisory Committee (ELAC), the annual Title I meeting, and District DELAC and LCAP meetings. Leadership opportunities like the Leader in Me Parent Leadership Team and District Parent workshops further empower families to make a difference.

Our commitment to inclusivity ensures that all parents feel welcome and informed. School and district community liaisons provide materials in English, Cantonese, Mandarin, Spanish, and Vietnamese. Parents can also participate in workshops on essential topics like Nutrition, Social-Emotional Learning, Suicide Prevention, Social Media, Anti-Bullying, PBIS, Emergency Safety Protocols, and more.

We deeply value the collaboration between parents and teachers through Parent/Teacher conferences, IEPs, and SSTs. Together, we create a vibrant, supportive community where every child can thrive!

Please contact Principal Miriam Wazirkajoyan at mwazirkajoyan@rosemead.k12.ca.us or at (626) 443-4015 for information and any questions.

Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	411	401	62	15.5
Nữ	205	201	29	14.4
Nam	206	200	33	16.5
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	165	160	7	4.4
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	222	218	50	22.9
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	175	169	13	7.7
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	334	327	52	15.9
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	64	63	12	19.0

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	0.49	0.74	0.24	1.08	1.76	1.11	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0.12	0.07	0.08	0.07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	0.24	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.49	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.45	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	0.00	0.00
Người Học Tiếng Anh	0.57	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	0.00	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	0.30	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Savannah Elementary School is safe and secure closed campus. During school hours, the entrance is secured to ensure visitors check in at the front office. All visitors are required to sign in through the Raptor system and wear visitor badges during their stay. While we welcome

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

visits by parents and community members, anyone wishing to be on campus during school hours should notify staff ahead of time. During lunch, breaks, and before and after school, yard-duty noon aides and teachers supervise students and monitor the campus, including the cafeteria and playgrounds, to ensure a safe and orderly environment. We following the CDC Health guidelines and COVID kits are sent home frequently to maintain a healthy campus and avoid any virus spreads.

The Comprehensive Safe School Plan was developed by the district to comply with Senate Bill 187 of 1997. The plan provides students and staff a means of ensuring a safe and orderly learning environment. Our school safety plan includes the following requirements of SB 187: current status of school crime; child abuse reporting procedures; disaster procedures, both routine and emergency; policies related to suspension and expulsion, and notification to teachers; sexual harassment policy; provision of a school-wide dress code; safe ingress and egress of pupils, parents, and school employees; safe and orderly school environment; and school rules and procedures.

The school evaluates the plan annually and updates it as needed. The Savannah School Safety plan was last updated and reviewed by the Savannah School Site Council and staff in September 2024. It was approved by the Rosemead School District Board of Trustees in October 2024. Safety procedures, including elements of the Safe School Plan, are reviewed with school and district staff throughout the school year during various safety training opportunities and monthly emergency drills. Staff is trained on the use of Catapult to ensure seamless communication in case of an emergency. Catapult is used with all emergency drills to practice the use of staff communication resource tool. Principal meets with the Savannah School Safety team and Safety team leaders to review and train with safety procedures.

D. Thông tin SARC khác

Thông tin bắt buộc trong SARC

Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
----------	---------------------------	------------------------------------	-------------------------------------	----------------------------------

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thẻ loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
----------	---------------------------	------------------------------------	-------------------------------------	----------------------------------

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thề loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
K	20	2		
1	23		2	
2	21		2	
3	24		2	
4	23		2	
5	21		3	
6	27		2	
Khác	10	2		

Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	0

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	2

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	\$11,480	\$3,921	\$7,559	\$102,889
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,453	\$103,145
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	-32.1	-0.2
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$94,129
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-35.0	8.9

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Rosemead School District receives state and federal funding for the following categorical, special education, and other support programs:

- Title I
- Title II
- Title III
- Title IV
- Local Control Funding Formula (LCFF)
- Expanded Learning Opportunities Program (ELOP)
- Special Education
- Home-to-school transportation (for Special Education)
- Instructional materials
- Instructional assistants
- After school programs
- Summer School
- Enrichment Programs
- Intervention programs and personnel
- Educational software
- Additional technology

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$59,171.00	\$57,839
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$83,680.00	\$90,040
Mức lương giáo viên cao nhất	\$110,209.00	\$118,647
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$132,207.00	\$144,639
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$138,165.00	\$148,270
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	NA	\$161,275
Lương giám đốc	\$244,657	\$229,986
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	32%	31%
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	6%	6%

Phát triển Chuyên môn

District:

Teachers, administrators, and other staff in Rosemead engage in a continuous improvement process through a variety of formats of professional development. After reviewing summative and formative data, including test scores, student, parent, and staff surveys, and outcomes related to school culture and social-emotional learning, district and site leaders along with content teams of lead teachers identify areas of districtwide focus for teacher and administrator professional development. This year, areas of focus for districtwide PD include:

- Multi-Tier System of Support (MTSS)
- Building Strong Tier I Instruction
- Engaging California English Learners through the Arts (ECELA)
- Positive Behavioral Interventions and Supports (PBIS)
- The Science of Reading - Focus on Phonemic Awareness, Phonics and Vocabulary instruction
- Implementation of eduCLIMBER - an MTSS tool for data management

Site:

In addition, the school has 75 minutes of professional development during two "late starts" each month and two bi-monthly one-hour Professional Learning Communities (PLC) grade level collaboration time. During PLC time, teachers collaborate and examine student work, assessments, CA Dashboard data, CAASPP and ELPAC data, Heggerty Phonics and Shifting the Balance Literacy vocabulary supplemental programs, participate in data chats, use of eduClimber tool, develop grade level/class WIGs, align essential standards to support academic growth and develop school wide/grade level learning goals. Savannah also continues to participate in The Leader in Me, PBIS, Literacy, Ed Tech, STEAM, ELD, ECELA, Math/Science, iReady professional development and intervention strategies. Teachers are given opportunities to attend conferences such as the Literacy Symposium/Science of Reading, Leader in Me and PBIS trainings.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	6	4	4